TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh P**

Bản án số: 56/2018/HS-ST
Ngày: 22/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, TP.HCM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 328/2017/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

Bùi Duy T, sinh ngày: 25/6/1995 (thực hiện hành vi lúc 16 tuổi 08 tháng); thường trú: Thôn x, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: Không xác định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Tấn N; và bà: Lê Thị T; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 26/3/2014, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về các tội "Cướp tài sản", "Cướp giật tài sản", "Trộm cắp tài sản", Ngày 16/3/2015, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị bắt, giữ ngày 14/02/2012, tại ngoại ngày 04/5/2012; hiện đang chấp hành hình phạt tại trại giam Châu Bình (tỉnh Bến Tre) từ ngày 02/01/2013;

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Hữu M, sinh năm 1984, địa chỉ: Số 5 đường T, phường T, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980, địa chỉ: 34/1 đường x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. Anh Lê Quốc T, sinh năm 1997, địa chỉ: 1/13 đường x, khu phố y,

phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Hà Văn T, sinh năm 1995, địa chỉ: 56/8C đường x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Trần Văn L sinh năm, địa chỉ: 104/13N/1 Quốc lộ x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Đỗ Hồng P, sinh ngày 20/4/1996, địa chỉ: 222/3A đường X, Phường y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4. Nguyễn L, sinh ngày 28/3/1996, địa chỉ: 1A/2 đường x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Bị đơn dân sự:*

1. Ông Bùi Tấn N, bà Lê Thị T (cha mẹ bị cáo Bùi Duy T), địa chỉ: Thôn x, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt)

2. Bà Lê Thị L, ông Nguyễn T (cha mẹ Nguyễn L), địa chỉ: 1A/2 đường x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Bà Đỗ Thị Cẩm H (mẹ Đỗ Hồng P), địa chỉ: 222/3A đường X, Phường y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị T (mẹ Hà Văn T), địa chỉ: 56/8C đường x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Khoảng 19 giờ ngày 11/02/2012, trong lúc Bùi Duy T, Hà Văn T, Trần Văn L, Đỗ Hồng P (sinh ngày 20/4/1996) và 02 thanh niên tên Ngọc, Bảo (không rõ lai lịch) đang chơi tại tiệm T, địa chỉ số 46, đường x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì có anh Lê Quốc T (sinh ngày 14/9/1997) nhắn tin rủ T đi chơi. T đồng ý và nhắn tin báo anh Lê Quốc T đến tiệm net chở Thuận. Sau khi nhắn tin, T bàn với cả nhóm lấy xe môtô cua anh Lê Quốc T bán lấy tiền tiêu xài, cả nhóm đồng ý. Đến 19 giờ 45 phút cùng ngày, anh Lê Quốc T điều khiển xe môtô biển số 52N3-2973 đến tiệm game thì L, P, N, T rủ anh Lê Quốc T ra bờ sông chơi, anh Lê Quốc T đồng ý. Khi ra đến bờ sông, anh Lê Quốc T dựng xe môtô bên hông bờ tường nhà số 26/9, đường x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh rồi leo qua bờ tường ra ngoài bờ sông ngồi chơi với L, P, T, N. Khoảng 10 phút sau, B điều khiển xe môtô (không rõ biển số) chở T đến khu vực để xe môtô của anh Lê Quốc T. T xuống xe đi đến lấy trộm xe môtô cua anh Lê Quốc T, B điều khiển xe môtô chạy sau dùng chân đẩy xe môtô của anh Lê

Quốc T do T điều khiển chạy ra đường Quốc lộ x tẩu thoát. Khi cả 02 đi đến gần ngã tư BT thì ghé vào 01 tiệm sửa xe (không nhớ rõ địa chỉ cụ thể) nhờ nổ máy xe giùm rồi B đi về. T đem xe môtô của anh Lê Quốc T đi cất giấu rồi quay về tiệm game để chơi. Sáng ngày 12/01/2012, T điều khiển xe mô tô biển số 52N3-2973 đi bán nhưng không được. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, B chở T bằng xe mô tô biển số 52N3-2973 đi tìm chỗ bán xe trên Quốc lộ x thì bị Đội Cảnh sát giao thông H bắt giữ xe môtô do cả 02 không đội nón bảo hiểm. Qua xác minh nguồn gốc xe mô tô biển số 52N3-2973. Đội Cảnh sát giao thông H đã thông báo vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 20/02/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với Bùi Duy T, Hà Văn T, Trần Văn L, do T chưa đủ 18 tuổi và bị bệnh nặng nên ngày 04/5/2012, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã thay đổi biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Bùi Duy T. Trong thời gian tại ngoại, T bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và ra Lệnh truy nã.

Đối với Hà Văn T, Trần Văn L đã bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức tuyên phạt Hà Văn T 01 năm 06 tháng tù, Trần Văn L 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 246/2013/HSST ngày 06/9/2013.

Ngày 14/4/2017, qua xác minh được biết Bùi Duy T đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Châu Bình, tỉnh Bến Tre nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, phục hồi điều tra bị can đối với Bùi Duy T.

Quá trình điều tra, Bùi Duy T đã khai nhận toàn bộ hành vi cùng Hà Văn T, Trần Văn L, Đỗ Hồng P, N, B trộm cắp xe mô tô của anh Lê Quốc T vào ngày 11/02/2012. Ngoài ra, T khai nhận đã cùng Nguyễn L, Đỗ Hồng P đã thực hiện 02 vụ trộm trên địa bàn quận Thủ Đức, cụ thể:

Vụ thứ 1: Khoảng 03 giờ không rõ ngày trong tháng 12/2011, T cùng Nguyễn L (sinh ngày 28/3/1996), Đỗ Hồng P đi vòng quanh địa bàn quận T tìm ai sơ hở tài sản để trộm cắp. Khi đi đến dãy nhà trọ số 22 đường số x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, T nhìn thấy tại trước phòng trọ số 3 có dựng 01 xe mô tô hiệu Honda Wave (không rõ biển số) của anh Trần Văn T. P, L đứng ngoài canh chừng còn T đi vào trong lấy trộm xe môtô Honda Wave rồi cả nhóm đẩy xe tẩu thoát. Đến trưa, T lấy xe lấy trộm được bán cho 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau khi bị mất trộm, anh Trần Văn T không đến Cơ quan Cảnh sát điều tra trình báo và chuyển nhà đi nơi khác nên không có cơ sở xử lý.

Vụ thứ 2: Tối ngày 11/02/2012, T cùng Đỗ Hồng P đi đến trước nhà số 34/1, đường x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì nhìn thấy 01 xe môtô hiệu Honda Astrea biển số 53P8-0834 của anh Nguyễn Văn N và xe môtô hiệu Lifan biển số 51T9- 7098 của anh Nguyễn Hữu M đang dựng trong sân nhà không ai trông giữ. P đứng ngoài canh chừng, T đi vào trong lấy trộm 02 xe môtô đẩy ra ngoài rồi cùng P đẩy 02 xe môtô đi về nhà trọ của T cất giấu. Ngày

hôm sau, T bán 02 xe môtô trên cho 01 thanh niên (không rõ lai lịch) lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Kết luận định giá tài sản số 351/UBND-TCKH ngày 02/8/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Thủ Đức kết luận: 01 xe môtô hiệu Honda Wave biển số 52N3-2973 trị giá 4.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 276/UBND-TCKH ngày 30/5/2012 của Hội đồng định giá tài sàn trong tố tụng hình sự quận Thủ Đức kết luận:

+ 01 xe môtô hiệu Lifan biển số 51T9-7098 trị giá 3.500.000 đồng.

+ 01 xe môtô hiệu Honda Astrea biển số 53P8-0834 trị giá 4.500.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 xe môtô hiệu Honda Wave biển số 52N3-2973 hiện đang bị Cảnh sát giao thông H tạm giữ.

Về phần dân sự:

+ Anh Lê Quốc T yêu cầu được bồi thường trị giá xe môtô biển số 52N3-2973.

+ Anh Nguyễn Văn N yêu cầu được bồi thường xe môtô biển số 53P8-0834.

+ Anh Nguyễn Hữu M yêu cầu được bồi thường xe môtô biển số 51T9-7098.

Đối với vụ trộm tại nhà trọ số 22, đường số x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện nay chưa xác định được bị hại, Khi nào xác định bị hại sẽ xử lý sau. Đối với Nguyễn L, Đỗ Hồng P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khi chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao cho Công an phường H, quận T lập hồ sơ quản lý theo Nghị định.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Duy T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

[2] Bản Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 03/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố bị cáo Bùi Duy T về Tội trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" và áp dụng khoản 1 của Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, cùng tình tiết phạm tội nhiều lần, các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, là người chưa thành niên phạm tội, để xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù, tổng hợp hình phạt với bản án trước, phần dân sự buộc cha mẹ của bị cáo và mẹ của Đỗ Hồng P bồi thường cho anh N và anh M.

Bị cáo T không tranh luận hoặc bào chữa gì.

Bị cáo T nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Duy T phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định bị cáo cùng đồng bọn đã nhiều lần có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại. Bị cáo T cùng Hà Văn T, Trần Văn L, Đỗ Hồng P (sinh ngày 20/4/1996) và 02 thanh niên tên Ngọc, Bảo (không rõ lai lịch) lén lút chiếm đoạt của anh anh Lê Quốc T là chiếc xe môtô biển số 52N3-2973 trị giá 4.000.000 đồng; bị cáo T cùng với Đỗ Hồng P lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn N 01 xe môtô hiệu Honda Astrea biển số 53P8-0834 trị giá 4.500.000 đồng và của anh Nguyễn Hữu M 01 xe môtô hiệu Lifan biển số 51T9-7098 trị giá 3.500.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Bùi Duy T đã phạm "Tội trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định, trừng trị tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự, do hình phạt của "Tội trộm cắp tài sản" tại Điều 173 Bộ luật Hình sự hiện hành (Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhẹ hơn của Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 nên áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự để xét xử đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật. Bị cáo phạm tội có đồng phạm, với vai trò là người trực tiếp thực hiện tội phạm, Bị cáo phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa. Đối với các bản án bị cáo bị Tòa án xét xử sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này nên không xem là tiền án, bị cáo đang chấp hành án nên cần áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với hình phạt tại các bản án bị cáo đang chấp hành.

[3] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo ở độ tuổi 16 tuổi 08 tháng, là người chưa thành niên, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Phần bồi thường dân sự cho bị hại anh Lê Quốc T đã được giải quyết tại Bản án số 246/2013/HSST ngày 06/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Bị hại anh Nguyễn Văn N yêu cầu được bồi thường xe môtô biển số 53P8-0834; anh Nguyễn Hữu M yêu cầu được bồi thường xe môtô biển số 51T9-7098. Xét thấy yêu cầu bồi thường của anh N và của anh M là có cơ sở theo Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự. Khi phạm tội bị cáo T là người chưa thành niên, không có tài sản bồi thường, đương sự Đỗ Hồng P cùng trộm cắp với bị cáo cũng là người chưa thành niên, không có tài sản bồi thường. Vì vậy, cần buộc cha mẹ của bị cáo T và mẹ của Đỗ Hồng P bồi thường và chịu án phí dân sự sơ thẩm thay. Giá trị bồi thường được tính theo giá trị tài sản đã được định giá.

[5] Về án phí: bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, cha mẹ của bị cáo T và mẹ của Đỗ Hữu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: bị cáo Bùi Duy T phạm "Tội trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 101, Điều 56 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Duy T 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 07 năm 09 tháng tù tại Bản án số 99/2014/HSST ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án số 39/2015/HSST ngày 16/3/2015 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Bùi Duy T phải chấp hành phạt chung là 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/01/2013, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/02/2012 đến ngày 04/5/2012.

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự,

Buộc ông bà Bùi Tấn N, Lê Thị T (cha mẹ bị cáo Bùi Duy T) và bà Đỗ Thị Cẩm H (mẹ Đỗ Hồng P) liên đới bồi thường cho: 1. Anh Nguyễn Văn N 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm ngàn) đồng (trách nhiệm theo phần là 2.250.000 đồng); 2. Anh Nguyễn Hữu M 3.500.000 (Ba triệu năm trăm ngàn) đồng (trách nhiệm theo phần là 1.750.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo T chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm ông bà Bùi Tấn N, Lê Thị T (cha mẹ bị cáo Bùi Duy T) chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Đỗ Thị Cẩm H (mẹ Đỗ Hồng P) chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bị đơn dân sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Nơi nhận:
- Bị cáo, Bị hại, Bị đơn dân sự, Người có QLNVLQ;
- VKSND, CA, Chi cục THA Q.TĐ;
- PC27;
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Trung Tuấn